

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021
của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 06/NQ-CP); Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013).

2. Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đến năm 2025, làm căn cứ để các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo chức năng quản lý của đơn vị mình.

3. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mở mới giai đoạn đến năm 2025.

4. Đến năm 2025, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai; giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn 2015 - 2020.

- Giảm 7,3% phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường (BAU); đạt mức tiết kiệm năng lượng 5,0 - 7,0% tổng tiêu thụ năng lượng.

b) Về quản lý tài nguyên

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng. Hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính.
- Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh; Bảo đảm 80% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu của các lưu vực sông.
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo.

c) Về bảo vệ môi trường

- Xử lý 71,42% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; trên 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; phần đầu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý. Bảo đảm 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 10% tổng lượng nước thải tại các đô thị từ loại V trở lên được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường; 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 95% dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh.
- Triển khai xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên địa bàn tỉnh; tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật, các khu vực ô nhiễm chất độc di-ô-xin, đẩy nhanh tiến độ rà phá bom, mìn còn sót sau chiến tranh (nếu có).

- Nâng độ che phủ rừng đạt 64%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

- a) Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
 - Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
 - Tiếp tục đưa nội dung về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý.
 - Phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hằng năm trên địa bàn tỉnh, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Thực hiện minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên tỉnh; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh quản trị môi trường trong các doanh nghiệp.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo sự bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao năng lực, đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo và tiết kiệm nguồn lực.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm về tài nguyên và môi trường.

- Cung cấp, công khai, minh bạch thông tin, thực hiện hiệu quả công tác giám sát của cộng đồng và phản biện xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả của các đường dây nóng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật trong quản lý tài nguyên và môi trường.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các Doanh nghiệp triển khai thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, khuyến khích ứng dụng các kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT).

- Thực hiện đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, viễn thám, công nghệ thông tin và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Rà soát, đánh giá tổng thể các chương trình khoa học và công nghệ, lồng ghép các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao năng lực, tăng cường quan trắc tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường theo hướng dẫn đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

đ) Tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng cách tiếp cận dựa vào thị trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phân bổ sử dụng nguồn lực tài nguyên theo cơ chế thị trường.

- Triển khai áp dụng các công cụ kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục triển khai thực hiện xã hội hóa để huy động đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách.

e) Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục tham gia các hoạt động hợp tác trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để huy động nguồn lực, tiếp nhận công nghệ tiên tiến về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

g) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Phổ biến, quán triệt quan điểm, nhận thức về đặt yêu cầu phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; coi môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện các chiến lược quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, quản lý tổng hợp chất thải rắn.

- Xây dựng và thực hiện các hợp phần tài nguyên, môi trường trong quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

- Ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; quản lý, sử dụng đất; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi; khai thác rừng trái phép trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

a) Tiếp tục xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng; ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại. Xây dựng và thực hiện các chương trình phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu; hệ thống quan trắc tai biến địa chất và phòng chống thiên tai.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 3156/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Triển khai Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”; phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (*EbA*), dựa vào cộng đồng (*CbA*) và dựa vào tự nhiên (*NbS*).

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung của Đề án “Quản lý hạn hán trên địa bàn tỉnh Kon Tum” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1161/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020.

b) Giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải lớn.

- Áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính; khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

- Thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh và các kế hoạch có liên quan.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải..., đặc biệt đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các hộ gia đình. Thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 theo Kế hoạch số 1397/KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2020 - 2023.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (*REDD+*); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 theo Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Xây dựng và cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai của tỉnh.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; rà soát, hỗ trợ di dời dân cư ra khỏi các vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở bờ sông, sạt lở núi, đất và các nguy cơ thiên tai khác.

- Tiếp tục đầu tư, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị hạn hán trên địa bàn tỉnh.

3. Các nhiệm vụ về quản lý tài nguyên

a) Đối với tài nguyên đất đai

- Tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, đánh giá đầy đủ tiềm năng đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất theo quy định của Luật Đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; chú trọng sử dụng không gian ngầm; Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai, phát huy tiềm năng đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, giảm thiểu và cải tạo phục hồi đất bị thoái hóa.

b) Đối với tài nguyên nước

- Triển khai thực hiện điều tra, xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tiếp tục triển khai cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; Đánh giá và phân vùng chất lượng nước phục vụ xả nước thải các hoạt động đô thị, công nghiệp và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*) để thống nhất, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu từ Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước từ Trung ương đến địa phương nhằm quản lý, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Tiếp tục điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; thăm dò, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; thực hiện chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

d) Đối với năng lượng mới, năng lượng tái tạo và vật liệu mới

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

đ) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Tổ chức thực hiện chương trình kiểm kê tài nguyên nước quốc gia trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành việc điều tra và xây dựng bản đồ tài nguyên nước mặt và nước ngầm trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các biện pháp tích nước, điều hòa, phân bổ, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; phát triển thủy lợi, giảm thất thoát, nâng cao khả năng tưới, tiêu, áp dụng các biện pháp canh tác tiết kiệm nước.

- Thực hiện các giải pháp quản lý bảo vệ rừng tự nhiên; nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế cho phép kết hợp khai thác các giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có rừng.

4. Các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường

a) Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường

- Thực hiện quản lý theo giấy phép môi trường để kiểm soát ô nhiễm. Đẩy nhanh tiến độ xử lý các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư tập trung.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động số 2749/KH-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí tại địa phương; đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc môi trường không khí; tăng diện tích cây xanh, công viên trong các đô thị và khu dân cư.

- Tiếp tục thực hiện bảo vệ môi trường nước mặt; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường quản lý chất thải rắn; phấn đấu đến hết năm 2025 giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp xuống dưới 30%.

- Nâng cao năng lực ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu và các hóa chất độc hại; xử lý có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân

- Thực hiện các dự án bảo vệ, phục hồi, cải tạo, bổ sung không gian, mặt nước trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các ao, hồ, kênh, mương, sông.

- Triển khai xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật, các khu vực ô nhiễm chất độc di-ô-xin, đẩy nhanh tiến độ rà phá bom, mìn còn sót sau chiến tranh.

- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản.

- Thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp về cung cấp nước sạch trong Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhất là cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng người dân tộc thiểu số.

c) Bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên; thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất có rừng tự nhiên theo đúng quy định; tăng cường giao rừng cho cộng đồng. Tổ chức xây dựng và thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Thực hiện trồng rừng, nhất là rừng đầu nguồn lưu vực sông, trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực, đề phòng, chống cháy rừng. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng; triển khai hiệu quả Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2030 phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ

- Phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế.

- Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên; Phục hồi các hệ sinh thái quan trọng bị suy thoái.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 667/UBND-NC ngày 08 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thực hiện Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam hiện có trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật. Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện phân vùng môi trường để có biện pháp quản lý chất lượng môi trường sống, sinh thái và cảnh quan.

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có quy mô xả thải lớn; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho cơ quan quản lý môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa việc đưa chất thải trái phép, công nghệ, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu vào địa phương.

- Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn; xây dựng và thực hiện các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu phí theo khối lượng chất thải phát sinh; thiết lập hệ thống thu gom, xử lý chất thải đồng bộ; tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn; kiểm soát và quản lý hiệu quả chất thải nguy hại, chất thải y tế.

- Có chính sách để khuyến khích mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch được phê duyệt tại Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình số 58-CTr/TU ngày 29 tháng 10 năm

2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 7 khóa XI được tiếp tục triển khai đến khi hoàn thành.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3370/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình số 58-CTr/TU ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 7 khóa XI và Chương trình hành động này, kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả cao nhất.

- Căn cứ Chương trình hành động này và tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các nội dung của Chương trình thuộc phạm vi quản lý của mình

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối phối hợp, tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình; Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các sở, ban ngành và địa phương thực hiện Chương trình; đánh giá và định kỳ hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nếu có, đảm bảo kế hoạch được thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả cao.

4. Sở Tài chính phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp triển khai Chương trình hành động này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lồng ghép chặt chẽ, hợp lý và hài hòa các yêu cầu bảo vệ môi trường trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của Nhân dân, cộng đồng về bảo vệ môi trường, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường; mở các chuyên trang, chuyên mục thông tin về bảo vệ môi trường, về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp với các văn bản của cấp trên.

8. Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề - nghiệp, đoàn thể và doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, biện pháp, chương trình, đề án bảo vệ môi trường; tạo điều kiện tốt nhất để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, tự giác, tích cực thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trên đây là Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các đơn vị báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tháp